TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2018/DT-ST
Ngày 15/11/2018
"V/v: Đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐĂK LĂK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh, bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 601/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2018/QĐXXST- DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 92/2018/QĐST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lương Công N.

Trú tại: Thôn A, xã X, huyện K, tỉnh Đăk Lăk; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Vân O.

Trú tại: Đường X, buôn Đ, xã C, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lương Công N trình bày:

Ngày 21/10/2014, tôi có cho bà Lê Thị Vân O vay số tiền 360.000.000 đồng. Khi vay, hai bên viết giấy xác nhận và cam kết khi nào tôi cần thì bà N trả lại hoàn toàn số tiền trên.

Năm 2015, tôi làm ăn thua lỗ nên đã yêu cầu bà O trả lại cho tôi số tiền trên nhưng bà O chỉ trả cho tôi số tiền 110.000.000 đồng và còn nợ lại 250.000.000 đồng. Từ đó đến nay, mặc dù đã đòi nhiều lần nhưng bà O vẫn không trả cho tôi.

Vì vậy, nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Vân O phải trả lại cho tôi số tiền 250.000.000 đồng. Về lãi suất, tôi không yêu cầu.

- Bị đơn, bà Lê Thị Vân O: Hiện nay có hộ khẩu thường trú tại số 30 đường A3, buôn Đung, xã Cư Êbur, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Tại biên bản xác minh ngày 01/3/2018, xác định: Bà Lê Thị Vân O có hộ khẩu thường trú tại số 30 đường A3, buôn Đung, xã Cư Êbur, Tp. Buôn Ma Thuột, nhưng bà O không có mặt tại địa phương, hiện nay bà O ở đâu, địa phương không biết.

Toà án đã niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng bà O không đến Toà án để tham gia tố tụng theo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà O theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của BLTTDS; bị đơn đã không chấp hành tốt về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cố tình trốn tránh, vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dụng vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Lê Thị Vân O phải có nghĩa vụ trả lại cho ông N toàn bộ số tiền nợ là 250.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "Đòi tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà Lê Thị Vân O có hộ khẩu thường trú tại số 30 đường A3, buôn Đung, xã Cư Êbur, Tp. Buôn Ma Thuột, nhưng bà O không có mặt tại địa phương. Ông N đã cung cấp đúng địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bà O. Tuy nhiên, hiện nay bà O ở đâu, làm gì, bà O cũng không báo cho chính quyền địa phương và ông N biết, nên trường hợp này được coi là "cố tình giấu địa chỉ" theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Toà án đã niêm yết hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng, nhưng bà O không đến Toà án để tham gia tố tụng theo theo quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà O theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy: Việc vay mượn tiền giữa ông Lương Công N và bà Lê Thị Vân O là có thật. Được thể hiện bằng giấy xác nhận ngày 21/10/2014. Theo giấy xác nhận, số tiền bà O vay ông N là 360.000.000 đồng, hai bên cam kết thỏa thuận hạn trả là "khi nào ông N cần thì bà O trả lại hoàn toàn số tiền trên".

Tại Bản kết luận giám định số: 89/PC09 ngày 04/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đăk Lăk kết luận: Chữ ký, chữ viết Lê Thị Vân O trong Giấy xác nhận đề ngày 21 tháng 10 năm 2014 và chữ ký, chữ viết Lê Thị Vân O trong các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra. Vậy, chữ ký, chữ viết Lê Thị Vân O trong Giấy xác nhận đề ngày 21 tháng 10 năm 2014 là do bà Lê Thị Vân O ký và viết.

Sau khi bà O vay tiền, đến năm 2015, sau nhiều lần đòi bà O mới trả được cho ông N 110.000.000 đồng, còn lại số tiền 250.000.000 đến nay bà O vẫn không trả.

Việc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của bà Lê Thị Vân O là đã vi phạm quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông N, cũng như đảm bảo sự công bằng và làm lành mạnh hóa các giao dịch dân sự trong đời sống xã hội, xét yêu cầu ông N yêu cầu bà O phải trả lại số tiền 250.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005, cần chấp nhận.

Về lãi suất: Ông N không yêu cầu nên HĐXX không đặt ra để xem xét.

[4] Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Do yêu cầu trưng cầu giám định đối với chữ viết, chữ ký của ông N là có căn cứ, nên bà O phải chịu chi phí giám định. Do ông N đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên bà Lê Thị Vân O phải hoàn trả cho anh N số tiền chi phí giám định là 5.040.000 đồng, là phù hợp theo quy định tại Điều 161, khoản 1 Điều 162 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Bà Lê Thị Vân O phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0004750 ngày 04/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 161, khoản 1 Điều 162, Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005;

- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Công N. Buộc bà Lê Thị Vân O phải có nghĩa vụ trả cho ông Lương Công N số tiền là 250.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ông N không yêu cầu.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

[2] Về chi phí giám định chữ viết, chữ ký: Bà Lê Thị Vân O phải hoàn trả cho ông Lương Công N số tiền tạm ứng chi phí giám định ông N đã nộp theo phiếu thu số 69 ngày 20/6/2018 của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột là 5.040.000 đồng (và đã chi phí xong).

[3] Về án phí: Bà Lê Thị Vân O phải chịu 12.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0004750 ngày 04/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Đăk Lăk;
-VKSND tỉnh, Tp. BMT;
-THADS Tp. BMT;
-Đương sự.
-Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

PHAN ĐÌNH HẢI